|  |  |
| --- | --- |
| HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**TỈNH QUẢNG BÌNH**Số: /2023/NQ-HĐND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Quảng Bình, ngày* *tháng năm 2023* |

|  |
| --- |
| **DỰ THẢO** |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định định mức lập dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ÐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số*[*08/2014/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/nghi-dinh-08-2014-nd-cp-huong-dan-luat-khoa-hoc-va-cong-nghe-220224.aspx)*ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số…./TTr-UBND ngày … tháng ….năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** **Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Nghị quyết này quy định định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) được quy định tại Điều 27 và 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.

2. Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhiệm KH&CN và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

1. Dự toán chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh bằng 28 triệu đồng/người/tháng; định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bằng 20 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao bằng 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Mức chi**  |
| **Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**  | **Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở**  |
| 1 | Người chủ trì | Đồng/ buổi | 1.400 | 1.000 |
| 2 | Thư ký  | Đồng/ buổi | 500 | 250 |
| 3 | Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | Đồng/ báo cáo | 2.100 | 1.500 |
| 4 | Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo | Đồng/ báo cáo | 1.050 | 750 |
| 5 | Thành viên tham gia | Đồng/ thành viên/buổi  | 200 | 150 |

3. Dự toán chi họp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi bằng 50% mức chi cho Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN được quy định tại Khoản 1 Điều 3.

4. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung để đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/nhiệm vụ.

**Điều 3. Một số định mức chi quản lý hoạt động KH&CN**

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị****tính** | **Mức chi**  |
| **Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**  | **Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở**  |
| 1 | **Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN** |  |  |  |
| a | Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN | Hội đồng |   |  |
|   | Chủ tịch hội đồng |   | 1.050 | 750 |
|   | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng |   | 700 | 500 |
|   | Thư ký khoa học |   | 300 | 150 |
|   | Thư ký hành chính |   | 300 | 150 |
|   | Đại biểu được mời tham dự |   | 200 | 100 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá |   |  |
|   | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |   | 350 | 250 |
|   | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |   | 500 | 350 |
| c | Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện | Nhiệm vụ |   |  |
|   | Chủ tịch hội đồng |   | 500 | 350 |
|   | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng |   | 350 | 250 |
| **2** | **Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN** |   |   |  |
| a | Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN | Hội đồng |   |  |
|   | Chủ tịch Hội đồng |   | 1.250 | 900 |
|   | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng |   | 1.050 | 750 |
|   | Thư ký khoa học |   | 300 | 150 |
|   | Thư ký hành chính |   | 300 | 150 |
|   | Đại biểu được mời tham dự |   | 200 | 100 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá |   |  |
|   | Nhận xét đánh giá của Ủy viên Hội đồng |   | 500 | 350 |
|   | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |   | 700 | 500 |
| **3** | **Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN** |   |   |  |
| a | Chi họp Hội đồng nghiệm thu | Nhiệm vụ |   |  |
|   | Chủ tịch hội đồng |   | 1.250 | 900 |
|   | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng |   | 1.050 | 750 |
|   | Thư ký khoa học |   | 300 | 150 |
|   | Thư ký hành chính |   | 300 | 150 |
|   | Đại biểu được mời tham dự |   | 200 | 100 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá |   |  |
|   | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |   | 500 | 350 |
|   | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |   | 700 | 500 |
| **4** | **Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng.** | Chuyên gia | 1.050 | 750 |

2. Định mức chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Mức chi**  |
| **Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh** | **Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở** |
| 1 | Tổ trưởng | Nhiệm vụ | 700 | 500 |
| 2 | Thành viên | Nhiệm vụ | 500 | 350 |
| 3 | Thư ký hành chính | Nhiệm vụ | 300 | 150 |
| 4 | Đại biểu được mời tham dự | Nhiệm vụ | 200 | 100 |

3. Chi hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình KH&CN (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 2, Điều 2.

4. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến quản lý hoạt động KH& CN được thực hiện trên cơ sở thuyết minh, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện được đảm bảo trong dự toán kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ thuộc ngân sách tỉnh được cơ quan có thẩm quyền giao hàng năm.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

**Điều 6. Quy định chuyển tiếp**

Đối với các nhiệm vụ KH&CN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực từ ngày tháng …. năm 2023./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Chính phủ;- VP Quốc hội, VP Chính phủ;- Các Bộ: Tài chính, KH&CN;- Vụ Pháp chế các Bộ Tài chính, Bộ KH và CN;- Cục KT văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;- Đoàn ĐBQH tỉnh;- Các ban và các đại biểu của HĐND tỉnh; - Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình;- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;- Lưu: VT. |  **CHỦ TỊCH** **Trần Hải Châu** |